

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi năm 2018 và Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi.

UBND tỉnh báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố như sau:

#### **I. Công tác triển khai xác định Chỉ số CCHC**

Trên cơ sở Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 Phê duyệt “Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành cấp tỉnh (gọi tắt là sở, ban ngành); UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) kèm theo Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 25/9/2018. Trong đó, tập trung hai nội dung chính của việc xác định Chỉ số cải cách hành chính là tự đánh giá, chấm điểm kết quả cải cách hành chính (CCHC) theo bộ tiêu chí đã xác định và tổ chức điều tra xã hội học đối với các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 20/9/2018.

#### **1. Về công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC:**

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn; các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC năm 2018 theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần và thực hiện báo cáo tự đánh giá, chấm điểm theo quy định.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh giao cho Sở Nội vụ (cơ quan thường trực của UBND tỉnh về CCHC) tiến hành rà soát kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị; qua đó, đánh giá sự phù hợp của việc chấm điểm, mức điểm của các tiêu chí, tiêu chí thành phần và tính đầy đủ, hợp lý của tài liệu kiểm chứng mà các cơ quan, đơn vị đã báo cáo. Báo cáo UBND tỉnh; đồng thời, thông báo cho các cơ quan, đơn vị về kết quả rà soát sơ bộ bước đầu để các cơ quan, đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng, giải trình những tiêu chí chấm điểm chưa phù hợp theo quy định.

Ngày 18/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1756/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố năm 2018 (gọi tắt là Hội đồng) gồm đại diện lãnh đạo các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Đầu tư và Văn phòng UBND tỉnh (gọi tắt là cơ quan) là những cơ quan được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ CCHC trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh; đồng thời, giao Sở Nội vụ thành lập Tổ giúp việc để giúp Hội đồng thẩm định thực hiện nhiệm vụ tổng hợp tài liệu kiểm chứng, kiểm tra kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện xác định mức điểm phù hợp theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của mỗi cơ quan, đơn vị và thông báo kết quả chấm điểm sơ bộ để các cơ quan, đơn vị tiếp tục bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình những tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng để Tổ giúp việc tổng hợp báo cáo Hội đồng thẩm định quyết định theo thẩm quyền.

Việc tổ chức thẩm định đã được thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm; hồ sơ tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị đã được rà soát kỹ lưỡng, tỷ mỉ và đánh giá một cách trung thực, khách quan, công bằng, chính xác; tạo được sự thống nhất cao trong Hội đồng thẩm định. Qua đó, giúp Chủ tịch UBND tỉnh có cơ sở chắc chắn trong việc phê duyệt, công bố kết quả Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

## **2. Về công tác điều tra xã hội học:**

Ngày 11/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Quyết định số 1699/QĐ-UBND; trong đó, quy định rõ phạm vi, đối tượng, quy trình, phương pháp điều tra và giao Sở Nội vụ thành lập Tổ điều tra xã hội học để thực hiện việc điều tra xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị năm 2018. Quá trình tổ chức điều tra xã hội học được tiến hành nghiêm túc, bảo đảm đúng đối tượng, thời gian, đảm bảo về số lượng mẫu phiếu điều tra và có sự giám sát trong tất cả các khâu từ hướng dẫn, phát phiếu điều tra, tổng hợp phiếu và phân tích kết quả điều tra xã hội học.

## **II. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2018**

Căn cứ kết quả điểm đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố và kết quả điểm điều tra xã hội học; Sở Nội

vụ, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC đã tiến hành phân tích, tổng hợp, xây dựng báo cáo và thông qua Hội đồng thẩm định. Trên cơ sở thống nhất, đề xuất của Hội đồng thẩm định Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố năm 2018.

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố như sau:

- Cấp tỉnh, có 23/23 cơ quan tham gia đánh giá, chấm điểm, đạt 100%.
- Cấp huyện, có 14/14 UBND cấp huyện tham gia đánh giá, chấm điểm, đạt 100% tổng số đơn vị hành chính cấp huyện.

## 1. Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành tỉnh

### a) Chỉ số tổng hợp

Tên đơn vị	Kết quả đánh giá năm 2018				
	Điểm tự đánh giá của sở, ban ngành (tối đa 64,50 điểm)	Điểm UBND tỉnh thẩm định (tối đa 64,50 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 35,50 điểm)	Tổng điểm đạt được (tối đa 100 điểm)	Ghi chú
Sở Tư pháp	63,50	59,82	23,43	83,25	
Cục Hải quan	60,25	59,25	23,25	82,50	
Sở Giao thông vận tải	59,85	57,67	23,75	81,42	
Cục Thuế tỉnh	60,00	58,00	23,37	81,37	
Sở Nội vụ	61,25	58,75	22,50	81,25	
Văn phòng UBND tỉnh	53,85	58,05	23,00	81,05	
Sở Thông tin và Truyền thông	60,00	59,00	21,68	80,68	
Thanh tra tỉnh	58,07	55,57	23,75	79,32	
Sở Khoa học và Công nghệ	62,70	57,50	21,75	79,25	
Sở Kế hoạch và Đầu tư	53,10	56,20	21,81	78,01	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	58,75	55,00	22,68	77,68	
Sở Ngoại vụ	61,50	54,65	22,43	77,08	
Sở Tài chính	64,00	53,90	22,87	76,77	
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	56,85	53,35	21,81	75,16	
Bảo hiểm xã hội tỉnh	52,61	51,56	21,68	73,24	
Ban Quản lý Khu Kinh tế	57,50	51,75	19,70	71,45	

Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi					
Sở Công Thương	49,65	49,15	21,62	70,77	
Sở Xây dựng	54,15	47,00	22,37	69,37	
Sở Văn hóa – TT và Du lịch	50,40	48,79	18,75	67,54	
Sở Tài nguyên và Môi trường	45,16	45,09	19,43	64,52	
Sở Y tế	60,46	45,69	18,25	63,94	
Ban Dân tộc	57,50	40,58	21,25	61,83	
Sở Giáo dục và Đào tạo	56,50	39,55	22,00	61,55	
<b>Điểm trung bình</b>	<b>57,29</b>	<b>52,86</b>	<b>21,88</b>	<b>74,74</b>	

Điểm số trung bình về Chỉ số CCHC năm 2018 của 23 sở, ban ngành đạt được là 74,74 điểm. Trong đó: Có 07 cơ quan đạt trên mức 80 điểm; có 10 cơ quan đạt điểm trên mức trung bình, không có cơ quan nào đạt thấp dưới mức 50 điểm.

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2018 của cơ quan, đơn vị được chia thành 3 nhóm:

- Nhóm thứ nhất, đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 80 điểm có 07 cơ quan, đơn vị; gồm các Sở: Tư pháp, Giao thông vận tải, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh; Cục Hải quan và Cục Thuế tỉnh.

- Nhóm thứ hai, đạt kết quả Chỉ số CCHC từ 70 điểm đến dưới 80 điểm có 10 cơ quan, đơn vị; gồm các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngoại vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương; Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi; Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- Nhóm thứ ba, có kết quả Chỉ số CCHC đạt dưới 70 điểm có 06 cơ quan, đơn vị; gồm các Sở: Xây dựng, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc tỉnh.

#### b) Các chỉ số thành phần

Tên đơn vị	Điểm UBND tỉnh đánh giá các tiêu chí						
	Công tác chỉ đạo điều hành (12,5 điểm)	XD và tổ chức thực hiện VB QPP L (7 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (12,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy HC (8 điểm)	XD và nâng cao chất lượng CC, VC (8,5 điểm)	Cải cách tài chính công (3 điểm)	Hiện đại hóa hành chính (13 điểm)
Sở Tư pháp	11,00	7,00	12,00	8,00	8,50	3,00	10,32
Cục Hải quan	11,25	6,00	11,50	8,00	7,00	3,00	12,50
Sở Giao thông vận tải	11,67	7,00	10,00	8,00	8,50	3,00	9,50

Cục Thuế tỉnh	10,00	6,00	11,00	8,00	8,00	3,00	12,00
Sở Nội vụ	12,25	7,00	12,50	8,00	8,50	3,00	7,50
Văn phòng UBND tỉnh	9,70	7,00	12,50	8,00	8,00	3,00	9,85
Sở Thông tin và T. thông	10,50	7,00	12,50	8,00	8,50	3,00	9,50
Thanh tra tỉnh	10,75	7,00	10,97	8,00	8,50	3,00	7,35
Sở Khoa học và C. nghệ	11,00	7,00	12,50	8,00	8,50	3,00	7,50
Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,45	7,00	9,92	8,00	8,40	3,00	11,43
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11,50	7,00	11,00	8,00	8,00	3,00	6,50
Sở Ngoại vụ	9,75	7,00	8,50	8,00	8,50	3,00	9,90
Sở Tài chính	8,50	7,00	10,00	8,00	8,50	3,00	8,90
Sở Lao động - TB & XH	10,00	7,00	7,75	8,00	8,50	3,00	9,10
Bảo hiểm xã hội tỉnh	10,67	6,00	9,99	4,50	6,50	3,00	10,90
Ban QLKKT DQ và các khu công nghiệp	9,75	7,00	7,50	8,00	7,50	3,00	9,00
Sở Công Thương	8,65	6,00	9,50	8,00	7,00	3,00	7,00
Sở Xây dựng	5,70	7,00	8,50	8,00	8,50	3,00	6,30
Sở Văn hóa – TT và DL	8,21	6,40	9,48	8,00	8,50	2,00	6,20
Sở Tài nguyên và MT	5,35	6,00	8,94	8,00	8,30	1,00	7,50
Sở Y tế	5,25	6,00	9,94	7,00	8,00	3,00	6,50
Ban Dân tộc	5,75	3,40	8,93	6,50	4,50	3,00	8,50
Sở Giáo dục và Đào tạo	4,75	3,00	7,50	8,00	5,80	3,00	7,50
<b>Điểm trung bình</b>	9,15	6,38	10,13	7,74	7,85	2,87	8,75
<b>Giá trị trung bình (%)</b>	73,18	91,18	81,01	96,74	92,33	95,65	67,31

Giá trị trung bình của các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực đã phản ánh kết quả đạt được của 23 sở, ban ngành trong triển khai từng nội dung CCHC:

Có 2 Chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình trên 95%, là: Lĩnh vực cải cách Tổ chức bộ máy hành chính và Lĩnh vực cải cách Tài chính công. Lĩnh vực Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL, Lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CC, VC có giá trị trung bình đạt trên 90%. Riêng lĩnh vực Lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính có giá trị trung bình đạt thấp nhất dưới 70%.

Công tác chỉ đạo điều hành có kết quả thấp so với 7 lĩnh vực của Chỉ số CCHC chỉ đạt trên lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính, với giá trị trung bình đạt 73,18%. Sở Nội vụ là cơ quan dẫn đầu, đạt 12,25 điểm tương đương 98% xếp vị trí thứ nhất lĩnh vực này. Trong khi đó, Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan có kết quả thấp nhất chỉ đạt 38%, dưới mức trung bình.

Tại lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính, có 04 đơn vị dẫn đầu cùng đạt 100% số điểm, gồm: Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và

các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi và Sở Giáo dục và Đào tạo là 02 đơn vị xếp ở vị trí cuối cùng đạt 60% ở lĩnh vực này.

Lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính có kết quả thấp nhất trong số 7 lĩnh vực của Chỉ số CCHC, với giá trị trung bình đạt 67,31%. Cục Hải quan là đơn vị đạt chỉ số cao nhất 96,15%. Trong khi đó, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch có kết quả thấp nhất đạt 47,69%, dưới mức trung bình.

## 2. Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các huyện, thành phố

### a) Chỉ số tổng hợp

Số TT	Tên đơn vị	Kết quả đánh giá năm 2018				Ghi chú
		Điểm tự đánh giá của huyện, thành phố (tối đa 67 điểm)	Điểm UBND tỉnh thẩm định (tối đa 67 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 33 điểm)	Tổng điểm đạt được (tối đa 100 điểm)	
1	Huyện Sơn Tịnh	56,50	50,49	19,50	69,99	
2	Huyện Bình Sơn	54,09	48,74	19,54	68,28	
3	Huyện Mộ Đức	51,24	49,10	18,95	68,05	
4	Huyện Đức Phổ	56,71	43,85	24,00	67,85	
5	Huyện Trà Bồng	59,35	50,00	17,58	67,58	
6	Huyện Sơn Tây	57,75	47,29	20,16	67,45	
7	T. phố Quảng Ngãi	51,48	50,48	16,87	67,35	
8	Huyện Nghĩa Hành	54,00	47,97	19,37	67,34	
9	Huyện Sơn Hà	57,10	51,53	14,75	66,28	
10	Huyện Ba Tơ	59,57	46,27	19,20	65,47	
11	Huyện Minh Long	52,55	46,69	18,66	65,35	
12	Huyện Tư Nghĩa	53,12	46,39	17,66	64,05	
13	Huyện Lý Sơn	56,95	44,95	18,70	63,65	
14	Huyện Tây Trà	48,00	42,27	20,12	62,39	
<b>Điểm trung bình</b>		54,89	47,57	18,93	66,51	

Theo kết quả đánh giá, Chỉ số CCHC năm 2018 của 14 huyện, thành phố đạt điểm trung bình 66,51 điểm. Không có đơn vị nào có kết quả Chỉ số CCHC đạt trên 80 điểm. Có 08 đơn vị đạt kết quả trên mức trung bình; gồm huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Tây, Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi.

Huyện Sơn Tịnh là địa phương đứng đầu bảng xếp hạng về Chỉ số CCHC năm 2018 với kết quả đạt được là 69,99 điểm; huyện Tây Trà là địa phương đứng cuối bảng xếp hạng, đạt 62,39 điểm thấp hơn 7,60 điểm so với vị trí dẫn đầu. Tuy nhiên, điểm số giữa các thứ hạng chênh lệch không nhiều; đặc biệt, huyện Tây Trà là địa phương xếp ở thứ hạng cuối cùng của bảng nhưng về Chỉ số CCHC của huyện năm 2018 tăng gấp đôi so với năm 2017 (năm 2017: 31,45 điểm) và tương đương điểm số của đơn vị đứng thứ nhì trong bảng xếp hạng năm 2017.

**b) Các chỉ số thành phần**

UBND huyện, TP /Tiêu chí	Điểm UBND tỉnh đánh giá các tiêu chí							
	Công tác chỉ đạo điều hành CC HC (tối đa 11 điểm)	XD và tổ chức thực hiện văn bản QPP L (tối đa 5 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 14 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 6 điểm)	XD và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC (tối đa 10,5 điểm)	Cải cách tài chính công (tối đa 4 điểm)	Hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 13 điểm)	Điểm đánh giá tác động (tối đa 3,5 điểm)
Huyện Sơn Tịnh	9,50	5,00	10,49	6,00	8,50	3,00	5,50	2,50
Huyện Bình Sơn	7,90	4,50	9,94	5,00	8,00	3,00	6,90	3,50
Huyện Mộ Đức	9,75	3,00	10,81	6,00	10,00	2,00	5,04	2,50
Huyện Đức Phổ	7,90	5,00	9,45	6,00	5,50	3,00	5,50	1,50
Huyện Trà Bông	9,15	5,00	11,00	6,00	8,50	4,00	3,85	2,50
Huyện Sơn Tây	7,50	3,50	10,49	6,00	9,00	4,00	3,80	3,00
T. phố Quảng Ngãi	8,20	5,00	11,88	5,00	8,50	3,00	6,90	2,00
Huyện Nghĩa Hành	8,50	4,50	9,47	5,00	9,00	4,00	4,00	3,50
Huyện Sơn Hà	8,60	4,50	11,88	6,00	8,00	4,00	5,55	3,00
Huyện Ba Tơ	8,45	4,50	10,42	6,00	6,00	4,00	4,40	2,50
Huyện Minh Long	8,90	5,00	10,49	5,00	8,00	3,00	4,30	2,00
Huyện Tư Nghĩa	7,75	4,50	7,97	6,00	8,00	4,00	6,67	1,50
Huyện Lý Sơn	6,05	5,00	11,00	5,00	7,50	4,00	3,40	3,00
Huyện Tây Trà	7,05	3,50	9,92	5,00	9,00	2,00	3,30	2,50
<b>Điểm trung bình</b>	8,23	4,46	10,37	5,57	8,11	3,36	4,94	2,54
<b>Giá trị trung bình (%)</b>	74,81	89,29	74,09	92,86	77,21	83,93	37,97	72,45

Giá trị trung bình của các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực đã phản ánh kết quả đạt được của 14 huyện, thành phố trong triển khai thực hiện CCHC:

Trong số 08 lĩnh vực đánh giá, Cải cách tổ chức bộ máy hành chính là lĩnh vực có kết quả Chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao nhất, đạt 92,86%. Có 02 chỉ số đạt giá trị trung bình trên 80%: Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL, đạt 89,29% và Cải cách tài chính công, đạt 83,93%; Tiếp theo là giá trị trung bình của các Chỉ số thành phần: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách thủ tục hành chính; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Tác động của CCHC đến sự phát triển Kinh tế - Xã hội cùng đạt trên 70%. Hiện đại hóa hành chính có giá trị trung bình thấp nhất, đạt 37,97%, trong đó huyện Tây Trà là địa phương có kết quả thấp nhất trong bảng xếp hạng: 25,38%.

Tuy nhiên, so với năm 2017 các huyện, thành phố đã có nhiều bước chuyển biến mới trong công tác CCHC nên không có đơn vị nào đạt dưới 50 điểm và giữa các địa phương không chênh lệch nhiều về điểm số ở từng thứ hạng.

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, đạt giá trị trung bình 74,81%. Theo thống kê, huyện Mộ Đức là đơn vị đứng đầu về Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, đạt 88,64%.

Cải cách thủ tục hành chính, đạt giá trị trung bình 74,09%. Huyện Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi cùng là hai địa phương đạt tỷ lệ điểm cao nhất ở Chỉ số này, đạt 11,88 điểm tương đương 84,86%.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có giá trị trung bình 77,90%. Huyện Mộ Đức là địa phương được đánh giá cao nhất với tỷ lệ điểm đạt được là 95,24%, trong khi đó Đức Phổ là huyện đạt tỷ lệ điểm đánh giá thấp nhất lĩnh vực này là 52,38%.

Lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính có giá trị trung bình thấp nhất với kết quả đạt 37,97%. Huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi là hai đơn vị dẫn đầu về Chỉ số thành phần này với tỷ lệ đạt 53,08%, đơn vị đứng cuối bảng xếp hạng là huyện Tây Trà chỉ đạt tỷ lệ là 25,38%, kém hơn 2 lần so với đơn vị dẫn đầu.

Chỉ số thành phần đánh giá tác động của CCHC đến sự phát triển Kinh tế - Xã hội: Theo kết quả đánh giá, Chỉ số đánh giá tác động của CCHC tại các huyện, thành phố có giá trị trung bình thấp, chỉ đạt 72,45% nhưng tăng gấp 2 lần so với năm 2017 (37,01%). Trong đó, 5/14 địa phương đạt kết quả Chỉ số trên giá trị trung bình. Huyện Bình Sơn và Nghĩa Hành là hai địa phương dẫn đầu về kết quả Chỉ số Đánh giá tác động của CCHC, cùng đạt điểm tối đa ở lĩnh vực này. Huyện Đức Phổ và Tư Nghĩa là 2 địa phương đứng cuối Chỉ số này có tỷ lệ điểm đánh giá chỉ đạt 42,86%.

### **3. Tồn tại, hạn chế**

Năm 2018 là năm thứ hai triển khai thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số CCHC theo Quyết định của UBND tỉnh. Qua kết quả Chỉ số CCHC năm 2018 cho thấy có sự nỗ lực cố gắng chung của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố trong triển khai thực hiện công tác CCHC, phản ánh thực chất kết quả



thực hiện CCHC; Tuy nhiên, kết quả đạt được không cao, giá trị trung bình cấp sở đạt 74,74%, cấp huyện đạt 66,51%. Đặc biệt vẫn còn một số lĩnh vực có giá trị trung bình đạt quá thấp như: Công tác chỉ đạo điều hành cấp sở, đạt 73.18% (trong đó, có đơn vị chỉ đạt 38% như Sở Giáo dục và Đào tạo); Hiện đại hóa hành chính cấp huyện, đạt 37,97%.

#### **4. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:**

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của một số sở, ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Vai trò trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong CCHC chưa cao, chưa quyết liệt trong triển khai CCHC; Còn tình trạng sở, ngành, địa phương ban hành các quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền; công bố, công khai thủ tục hành chính còn chậm, chưa đúng quy định...; Một số nơi còn bỏ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý khi chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; việc hoàn thiện Đề án xác định vị trí việc làm đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp còn chậm; công tác thi tuyển viên chức ở một số địa phương chưa được nghiêm minh; Ứng dụng công nghệ thông tin chưa đạt kết quả theo yêu cầu...

- Sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng; sự lãnh đạo, điều hành của chính quyền các cấp ở một số nơi chưa thường xuyên và quyết liệt;

- Người đứng đầu ở một số cơ quan hành chính và cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác CCHC nên thiếu kiểm tra, chưa có quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; công tác thông tin tuyên truyền CCHC chưa được sâu, rộng, chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa trong đại bộ phận người dân, doanh nghiệp;

- CCHC chưa đồng bộ với đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng và hoạt động của hệ thống chính trị;

- Công tác quản lý cán bộ, công chức của một số sở, ngành, địa phương còn lỏng lẻo; phân công, phân nhiệm không rõ ràng, rành mạch. Nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức còn xuê xoa, nể nang, chưa lấy hiệu quả công việc làm thước đo; chưa tạo động lực, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức thiếu nghiêm túc trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; chất lượng giải quyết công việc còn thấp, có biểu hiện nhũng nhiễu, tiêu cực, nhưng việc xử lý chưa nghiêm. Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cấp chính quyền chưa thường xuyên, tác dụng thấp;

- Nguồn lực phục vụ cho công tác CCHC, nhất là hiện đại hóa nền hành chính còn hạn chế.

### **IV. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến**

#### **1. Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh**

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện các nội dung, yêu cầu, trách nhiệm triển khai xác định Chỉ số CCHC và sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác chỉ

đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá CCHC. Đưa nội dung Chỉ số CCHC là một trong những nội dung làm việc và kiểm tra về CCHC của Lãnh đạo Ban chỉ đạo tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương quan tâm bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

## **2. Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố**

Để cải thiện và nâng cao các chỉ số trên trong năm 2019 và những năm tiếp theo, đề nghị thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ngoài việc triển khai thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019; tập trung chỉ đạo điều hành quyết liệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả Chỉ số CCHC năm 2018, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm, khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện CCHC, qua đó duy trì hoặc cải thiện Chỉ số CCHC của mình.

- Tham mưu xây dựng văn bản QPPL hàng năm đảm bảo đúng quy trình, theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền giao; xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm để triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian quy định; xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi, kiểm tra.

- Đề xuất những sáng kiến, cách làm hay trong CCHC; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng;

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Bố trí công chức, viên chức đúng cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm đã được duyệt;

- Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí, quy trình đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trên cơ sở lượng hóa cụ thể kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt Đề án tinh giản biên chế theo quy định;

- Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3, 4 tới tổ chức và công dân.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý, nhất là cán bộ, công chức giải quyết công việc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích chính đáng, thiết thực của tổ chức, công dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được trong CCHC. Kịp thời rà soát, phản ánh, kiến nghị những vấn đề chưa hợp lý về nội dung, phương pháp xác định Chỉ số CCHC để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp và được công bố đúng thời gian quy định.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, chú trọng công tác theo dõi, đánh giá, tổng hợp, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý trên từng lĩnh vực một

cách thống nhất, chính xác, khách quan, cập nhật thường xuyên, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác xác định Chỉ số CCHC hàng năm, nói riêng.

- Trong thời gian tới, các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu điều chỉnh một số nội dung, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ điểm đánh giá, đối tượng khảo sát, phương thức khảo sát xác định Chỉ số CCHC cho những năm tiếp theo. Phối hợp xây dựng, triển khai áp dụng phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC để thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm chính xác, kịp thời, hiệu quả hơn, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành và địa phương.

Trên đây là kết quả Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của các sở, ngành địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

**Nơi nhận**

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban TĐKT tỉnh (Sở Nội vụ);
- VPUB:CVP, PCVP (NC), KSTTHC, CBTH;
- Lưu VT, NC, vvl 14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng